

Số: 23/2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước  
bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện  
hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

### **Nơi nhận:** *TR*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (*UBTVQH*);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (*Bộ Tài chính*);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (*Bộ Tư pháp*);
- TT. Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (*Thành*) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- TT. Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. *TR*

### **CHỦ TỊCH**

**Phương Thị Thanh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng  
văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật  
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến công tác lập dự toán, bố trí kinh phí, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2. Mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước**

1. Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân các cấp

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

STT	Nội dung		Mức phân bổ (đồng/dự thảo)
1	Nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế	Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	30.000.000
		Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	27.000.000
		Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	25.000.000

2	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	24.000.000
		Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	21.000.000
		Nghị quyết quy định các nội dung tại khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	20.000.000

Trong trường hợp cùng một Nghị quyết mà quy định nội dung thuộc nhiều khoản tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức phân bổ cho Nghị quyết có nội dung quy định thuộc trường hợp có mức phân bổ cao nhất. Trường hợp Nghị quyết được ban hành mới hoặc thay thế theo trình tự, thủ tục rút gọn: 25.000.000 đồng/dự thảo; Nghị quyết sửa đổi, bổ sung theo trình tự, thủ tục rút gọn: 20.000.000 đồng/dự thảo.

b) Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã

STT	Nghị quyết	Cấp huyện (đồng/dự thảo)	Cấp xã (đồng/dự thảo)
1	Nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế	15.000.000	10.000.000
2	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	12.000.000	8.000.000

2. Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp

STT	Quyết định	Cấp tỉnh (đồng/dự thảo)	Cấp huyện (đồng/dự thảo)	Cấp xã (đồng/dự thảo)
1	Quyết định ban hành mới hoặc thay thế	20.000.000	10.000.000	8.000.000
2	Quyết định sửa đổi, bổ sung	16.000.000	8.000.000	6.000.000

**Điều 3. Kinh phí cho hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Kinh phí cho hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: tối đa 3.700.000 đồng.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 2.000.000 đồng; đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: tối đa 1.500.000 đồng.

b) Đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 2.000.000 đồng; đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: tối đa 1.500.000 đồng.

c) Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định, thẩm tra trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật tại Điều 2 Quy định này.

3. Kinh phí cho hoạt động thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 1, 2 Điều này nằm trong mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Điều 2 Quy định này.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành./.